

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2020

V/V Tranh chấp ly hôn và nuôi  
con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Thiết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thị Mai**

2. Ông **Nguyễn Văn Chiến**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hải**- Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Vi Thị Ngọc Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1976; có mặt

**- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 9, xã CN, huyện TT, Thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2020 cùng các bản khai ngày 18/7/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày thì: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau là tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2001 tại UBND xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu và sinh được 04 người con chung, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do chị H ham mê chơi cờ bạc, lơ đãng dẫn đến nợ nần chồng chất. Anh đã

khuyên bảo nhiều nhưng chị H không thay đổi nên thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã, thậm chí chị H còn gây gỗ với anh và có những lời nói xúc phạm không tôn trọng anh. Đến năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Gia đình hai bên đã động viên, hoà giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Hiện chị H đi làm xa nhà, ở đâu, địa chỉ cụ thể như thế nào anh không biết, cũng không hề hỏi thăm con cái. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị nữa đề nghị Toà án sớm giải quyết được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh xác nhận có 04 con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 26/01/2004; Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 08/12/2007; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 14/5/2016 và Nguyễn Việt A, sinh ngày 14/5/2016, hiện cả 04 cháu đang ở với anh, anh đề nghị được tiếp tục nuôi cả 4 cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con vì thực tế từ khi ly thân chị H cũng không hề gửi cho các cháu đồng nào.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TT đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị H. Tuy nhiên chị H không đến Tòa và cũng không có mặt nên không ghi được ý kiến của chị Hà.

Tại phiên tòa anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục hòa giải đã được tiến hành; thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn N về việc xin ly hôn chị Nguyễn Thị H; về con chung: Giao Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 26/01/2004; Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 08/12/2007; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 14/5/2016 và Nguyễn Việt A, sinh ngày 14/5/2016 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản, công sức, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; về án phí anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về tố tụng:**

Tòa án nhân dân huyện TT đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn N. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện TT, thành phố Hà Nội. Do vậy Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị H, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng là vi phạm về nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

### **[2] Về nội dung:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh N, chị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN, huyện TT, Thành phố Hà Nội ngày 30/11/2001. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Mặc dù không ghi được ý kiến của chị H xong qua lời trình bày của anh N cũng như lời trình bày của bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của chị H, tại Biên bản xác minh ngày 20/7/2020, bà H ghi nhận chị H là con đẻ của bà kết hôn với anh N năm 2001, vợ chồng sống hạnh phúc và có 04 con chung, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn thì bà không biết, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân chị H cũng không về nhà bà ở, chị có nói với bà là hiện tại đang nợ nần nhiều nên phải đi làm ăn xa nhưng không nói cụ thể đi đâu nên gia đình không biết. Nay anh N làm đơn xin ly hôn bà không có ý kiến gì đó là quyền của anh chị. Chứng tỏ chị H đã bỏ đi và sống ly thân với anh N từ đầu năm 2019, không hề quan tâm và có trách nhiệm đối với chồng và con cái được Luật Hôn nhân và gia đình quy định. Do vậy có thể khẳng định tình cảm của anh N với chị H không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét thấy cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

2.2. Về con chung: Tại các bản khai và biên bản xác minh tại UBND xã CN ngày 03/8/2020, xác định anh N, chị H có 04 con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 26/01/2004; Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 08/12/2007; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 14/5/2016 và Nguyễn Việt A, sinh ngày 14/5/2016. Anh N có nguyện vọng xin được nuôi

cả 04 cháu và cháu Nguyễn Ngọc L, cháu Nguyễn Thị Trà G cũng có nguyện vọng được ở với anh. Mặt khác hiện tại chị H vắng mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, khi nào trở về. Cả 04 cháu vẫn đang ở với anh N từ khi sinh ra cho đến nay. Do vậy để đảm bảo việc nuôi dưỡng và học hành của các cháu được ổn định không bị xáo trộn nên cần giao cả 04 cháu cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Vì anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị H cho đến khi anh N yêu cầu.

2.3. Về tài sản, công sức nợ chung: Anh N không yêu cầu giải quyết. Chị H không có văn bản trình bày ý kiến về việc này nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này các bên có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

**[3] Về án phí:** Anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH;**

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 243, 245, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

**1. Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn N về việc xin ly hôn.

1.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

1.2. Về con chung: Giao các cháu: Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 26/01/2004; Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 08/12/2007; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 14/5/2016 và Nguyễn Việt A, sinh ngày 14/5/2016 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Vì anh N không yêu cầu cấp dưỡng nupì con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị H trong thời gian anh N không yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

**2. Về án phí:** Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 07447 ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

**3. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;
- UBND xã CN;
- Những người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hồng Thiết**